

RỦI RO ĐIỀU CHỈNH VẪN CÒN

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

MUA	Đối với hoạt động trading, nhà đầu tư có thể tham khảo vùng 1.242-1.257 điểm để mở các vị thế mua trading, ưu tiên các cổ phiếu sẵn có trong tài khoản.
BÁN	Đưa tỷ lệ đòn bẩy về ngưỡng an toàn, cơ cấu danh lợi danh mục.

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

PVD

THEO DÕI

↑ **13,11%**

VND 34.500

NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall giảm điểm mạnh trong phiên giao dịch ngày thứ Tư (10/4), sau khi nhà đầu tư nhận được báo cáo lạm phát nóng hơn dự báo.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Dòng tiền đã thận trọng hơn trong phiên hôm nay, nhưng vẫn cần chờ thêm các phiên tới. Trên bình diện nào đó, thanh khoản duy trì ở mức này đã là tốt, bởi tiếp tục tăng cao thì rủi ro điều chỉnh còn lớn hơn. Nếu thanh khoản duy trì ở mức vừa phải thì đang cho thấy lực cầu vẫn chưa tham gia mạnh trong khi nguồn cung đang giảm dần. Thị trường có thể đang vào giai đoạn tìm điểm cân bằng và quan trọng nhất là thanh khoản giữ được ở mức vừa phải. Kịch bản tích cực là việc chỉ số vận động tích lũy quanh vùng 1.240 – 1.260 điểm.

Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	38.883,67	-0,02	3,17
S&P 500	5.209,91	0,14	9,23
Nasdaq	16.306,64	0,32	8,63
VIX	14,98	-1,38	20,32
DAX	18.076,69	-1,32	7,91
FTSE 100	7.934,79	-0,11	2,61
CAC40	8.049,17	-0,86	6,71
Hang Seng	16.828,07	0,57	-1,29

Nguồn: Bloomberg

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	SELL	BUY	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	49,58	NEUTRAL
MACD(12,26)	5,70	BUY
ADX(14)	19,66	SELL
SMA5	1.259,02	SELL
SMA20	1.268,75	SELL
SMA50	1.239,68	BUY
SMA100	1.183,74	BUY
SMA200	1.173,74	BUY

ĐIỂM TIN CHÍNH

- Bộ Lao động Mỹ cho biết, CPI đã tăng 0,4% trong tháng 3 và cao hơn 3,5% so với một năm trước. Trong khi đó, các nhà kinh tế được Dow Jones khảo sát dự đoán mức tăng lần lượt là 0,3% và 3,4%. Mức tăng thực đều cao hơn dự báo.
- Trên thị trường năng lượng, giá dầu thô Brent giao sau tại London tăng 1,06 USD/thùng, tương đương tăng 1,2%, chốt ở mức 90,48 USD/thùng. Giá dầu WIT giao sau tại New York tăng 0,98 USD/thùng, tương đương tăng 1,2%, chốt ở mức 86,21 USD/thùng. Dầu tăng giá sau khi có tin 3 con trai của một thủ lĩnh Hamas thiệt mạng trong một vụ không kích của Israel ở dải Gaza. Diễn biến này làm dấy lên lo ngại rằng các cuộc đàm phán ngừng bắn có thể rơi vào ngưng trệ.
- Tính từ đầu năm 2024, các ETF ghi nhận giá trị rút ròng 7,76 nghìn tỷ đồng. Tổng quy mô tài sản các quỹ ETF đầu tư vào Việt Nam giảm về 76,8 nghìn tỷ đồng, so với mức đỉnh hồi tháng 8/2023 là 89 nghìn tỷ đồng. Hầu hết các quỹ đều ở trạng thái bán ròng trong tháng 3.
- Tỷ giá trung tâm của NHNN này 11/9 tăng 10 đồng lên 24.046 đồng/USD sau biến động tăng giá của USD trên thị trường thế giới. Tuy nhiên, tỷ giá tại Vietcombank không tăng mà giảm nhẹ 10 đồng về mức 25.120 đồng/USD bán ra vào thời điểm sáng nay.
- **FPT:** Năm 2024, FPT đặt kế hoạch doanh thu 61.850 tỷ đồng (~2,5 tỷ USD) và lợi nhuận trước thuế 10.875 tỷ, đồng loạt tăng khoảng 18% so với kết quả năm 2023.
- **CTR:** Viettel Construction dự kiến sẽ trình cổ đông thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2024 với doanh thu hợp nhất đạt 12.653 tỷ đồng (tăng trưởng 11% so với 2023), lợi nhuận trước thuế đạt 671,4 tỷ đồng (tăng trưởng 4,1% so với năm 2023).
- **DGC:** Ngày 5/4, nhóm cổ đông Dragon Capital đã mua thêm 150.000 cổ phiếu DGC, nâng sở hữu từ 4,99%, lên 5,03% vốn điều lệ và chính thức trở thành cổ đông lớn tại doanh nghiệp này.
- **VIC:** HĐQT của Tập đoàn Vingroup vừa thông qua phương án chào bán trái phiếu doanh nghiệp theo hình thức chào bán riêng lẻ, với tổng giá trị phát hành 8.000 tỷ đồng. Đây là trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và xác định nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Vingroup. Trái phiếu sẽ chia thành 4 đợt phát hành, dự kiến thực hiện từ tháng 4/2024 - tháng 6/2024, kỳ hạn tối đa 24 tháng kể từ ngày phát hành.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.348,24	-0,19	13,83
Dầu WTI	85,17	-0,07	18,87
Dầu Brent	89,38	-0,04	16,02
Than	127,75	-0,35	-12,74
Đồng	9.417,50	0,06	10,03
Quặng sắt	108,03	3,98	-21,67
Thép	519,00	-0,57	-8,08

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	104,129	-0,02	2,76
USD/JPY	151,77	-0,01	-7,07
USD/CNY	7,2326	0,00	-1,83
EUR/USD	1,0855	-0,02	-1,67
GBP/USD	1,2672	-0,05	-0,46

Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	5,50%	01/05/2024	0
ECB	4,50%	11/04/2024	0
BOE	5,25%	09/05/2024	0
BOJ	0,10%	26/04/2024	0
SBV	6,50%	-	-50bp

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
STB	519,78	29.150	0,52
SSI	491,36	37.500	2,18
NVL	687,56	18.100	0,00
DIG	559,31	32.950	2,65
VIX	531,49	19.650	3,69

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	527.051,31	94.300	-0,63
BID	300.412,97	52.700	3,74
VHM	188.108,68	43.200	0,47
CTG	183.922,22	34.250	2,24
GAS	183.509,51	79.900	0,13

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

PVD

Khuyến nghị

Giá hiện tại

Giá mục tiêu

Tiềm năng tăng giá

Vùng giải ngân

Ngưỡng cắt lỗ

THEO DÕI

31.800

34.500

13,11%

30.000-31.000

<29.600

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Các giàn khoan của PVD cơ bản đã có việc làm hết năm 2024 và 2025 đều ở các thị trường nước ngoài, trong khu vực Đông Nam Á. Giá cho thuê năm 2024 trung bình ở mức tối thiểu 90.000 usd/ngày, tăng 14 % so với mức TB năm 2023 là 78.700 usd/ngày.
- PVD dự kiến giá trị đầu tư giàn mới là khoảng 90 triệu usd, (bao gồm: giá mua giàn là 65 triệu usd và 25 triệu usd để cải tạo sửa chữa và chạy thử). Cơ cấu vốn đầu tư dự kiến là 70% vốn vay và 30% VCSH. Thời gian nhận giàn dự kiến là sẽ là tháng 10-11/2024.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- Mặc dù xuất hiện nhịp chốt lời mạnh, nhưng về cơ bản thì PVD và nhóm cổ phiếu dầu khí vẫn đang trong 1 xu hướng tăng trung và dài hạn. Nhịp giảm sẽ là cơ hội để giải ngân đối với cổ phiếu, vùng hỗ trợ đáng chú ý trong ngắn hạn là vùng 30.000-31.200 đồng. Nhà đầu tư có thể theo dõi diễn biến của cổ phiếu trong những phiên tới để có hành động phù hợp.

Thông tin tài chính

	FY2021	FY2022	Q4 2023
DTT (tỷ đ)	3.995	5.432	1.381
LNTT (tỷ đ)	69,25		90,64
LNST (tỷ đ)	19,55		150,57
Ng/VCSH (%)	29	27	24
ROE (%)	(0,12)	(1,00)	3,08
ROA (%)	0,09	(0,49)	2,07
EPS (VNĐ)	0	0	0,03
P/E (lần)			35,46
P/B (lần)	0,91	0,71	1,03

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	SELL	BUY	BUY
Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động	
RSI (14)	48,21	NEUTRAL	
MACD(12,26)	0,63	BUY	
ADX(14)	29,94	SELL	
SMA5	32.870	SELL	
SMA20	32.620	SELL	
SMA50	30.630	BUY	
SMA100	29.160	BUY	
SMA200	27.480	BUY	

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
Danh mục theo dõi										
1	PVD	Theo dõi	30-31			34,5	29,6			
2	MBB	Theo dõi	21,9-22,5			25,5	21,2			
3	KBC	Theo dõi	30,9-32			36	30,4			
4	SSI	Theo dõi	34,6-36			40,1	34,3			
Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua										
1	MWG	Nắm giữ	45-47,5	5/3/2024	47,5	54,3	44,2			9,47%

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	VCI	Chốt lời	41,5-42,5	29/12/2023	42	48,2	40	21/2/2024	45	7,14%
2	DXG	Cắt lỗ	18,6-19,2	5/1/2024	19	21,5	18	23/2/2024	18	-5,26%
3	VHC	Chốt lời	63,5-65	19/2/2024	64,7	71,5	60,9	28/2/2024	70,9	9,58%
4	VGC	Chốt lời	51,8-53,5	31/1/2024	52,5	59,1	49,8	5/3/2024	56,9	8,19%
5	VCG	Cắt lỗ	24,8-25,2	29/1/2024	25,2	28,5	23,9	11/3/2024	23,9	-5,16%
6	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
7	VCI	Chốt lời	46-48	6/3/2024	47,5	55,2	44,5	15/3/2024	52,3	11,58%
8	VND	Cơ cấu	22,8-23,8	4/3/2024	23	27,3	21,8	26/3/2024	23,05	0,22%
9	NKG	Chốt lời	23-23,8	15/3/2024	23,75	27,6	22,4	28/3/2024	26,1	9,89%
10	VGC	Chốt lời	54-55,5	13/3/2024	55,5	61,8	51,8	2/4/2024	58,7	6,31%
11	KSB	Cơ cấu	25,5-26,5	15/3/2024	26,2	29,5	24,6	2/4/2024	26,2	0,00%
12	DPM	Cơ cấu	34,5-36	27/3/2024	35,85	39,8	33,8	2/4/2024	35,55	-0,84%
13	STB	Cắt lỗ	30-31,5	29/2/2024	31,3	35,6	29,1	5/4/2024	29,5	-5,75%
14	CII	Cắt lỗ	18,8-19,5	28/3/2024	19,3	21,8	18,5	5/4/2024	18,55	-3,89%
15	HSG	Cắt lỗ	22,8-24	3/4/2024	24	27,1	22,8	5/4/2024	22,8	-5,0%

Email: Chienluochitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mã mời giới
116C820618



Mở tài khoản VPBankS tại:

Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Khuyến nghị 30/10/2024

MICP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Đỉnh 14	-(-1.2%)
Chốt lời 1(50%)	18-19	-13%-18%
Chốt lời 2(50%)	21-22	-18-37%
MICP	MSN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
Cắt lỗ	Có thể DCA về 41-62	-(-5%)
Chốt lời 1(50%)	72-75	-12%-14%
Chốt lời 2(50%)	Nằm giữ	
MICP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.8	-(-4%)
Chốt lời 1(50%)	23-24	-7%-12%
Chốt lời 2(50%)	25.5-26	-13%-24%

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	130,000
Giá vốn trung bình	43.34
Gốc đầu tư	99800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (dự kiến)	+479,500,200 đ (6.15%)

Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 **Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.**

3

THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập
ginlabs.vn/room